

Số: 32 /BC-THCSNTTr

Tam Mỹ Đông, ngày 18 tháng 05 năm 2023

BÁO CÁO
KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ GIÁO DỤC
NĂM HỌC 2022-2023

I. Đặc điểm tình hình:

1. Thuận lợi:

- Trường có sự chỉ đạo thường xuyên, sâu sát của Phòng GD-ĐT Núi Thành; được sự quan tâm của Đảng ủy, UBND xã Tam Mỹ Đông; sự phối hợp của các ban ngành, đoàn thể xã và Ban đại diện cha mẹ học sinh trường.

- Đội ngũ CBGV đa số nhiệt tình, có tinh thần trách nhiệm, tham gia tốt các hoạt động của nhà trường.

- Phòng học đầy đủ thực hiện dạy học 2 buổi/ ngày nên thuận lợi cho việc quản lý học sinh, xây dựng nề nếp học tập, sinh hoạt, tổ chức bồi dưỡng HS giỏi, phụ đạo yếu, dạy thể dục, hướng nghiệp và các hoạt động khác.

2. Khó khăn:

- Quy mô lớp, học sinh ở địa phương với số lượng ít nhưng phải tham gia đầy đủ các cuộc thi và phong trào nên khó chọn HS, GV đảm trách nhiều môn dạy, nhiều khối lớp, dạy trái môn dẫn đến khó khăn trong đầu tư soạn giảng và nâng cao chất lượng.

- Nhân sự không đảm bảo: GV TPT do trường hợp đồng, nhân viên: không đảm bảo chuyên môn phụ trách thiết bị, y tế, CNTT...Số GV chưa đảm bảo theo tỉ lệ theo quy định, nhiều GV thường xuyên phải đi công tác nên công tác dạy thay làm ảnh hưởng đến chất lượng giờ học của HS.

- Phòng học bộ môn xuống cấp chưa đảm bảo theo chuẩn quy định.

- Thiết bị, đồ dùng dạy học theo CT GDPT mới còn hạn chế, chưa đảm bảo.

II. Kết quả thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học

1. Kết quả thực hiện chương trình giáo dục phổ thông:

1.1. Xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường đảm bảo sử dụng hiệu quả đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học.

1.1.1. Kết quả thực hiện dạy học các môn học, tổ chức các hoạt động giáo dục;

Ngay từ đầu năm học, Nhà trường đã hướng dẫn các tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình của từng môn học, hoạt động giáo dục (sau đây gọi chung là môn học) bảo đảm thời lượng quy định trong chương trình và bố trí dạy học trong mỗi học kỳ một cách hợp lý, khoa học. Đối với môn Khoa học tự nhiên, bố trí thời gian dạy học linh hoạt phù hợp với điều kiện giáo viên và cơ sở vật chất của nhà trường, không bố trí số tiết dạy học của môn này đều ở tất cả các tuần mà sắp xếp thời khóa biểu phù hợp cho cả năm học bảo đảm số tiết/tuần theo quy định dành cho mỗi giáo viên.

Đối với Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018, phân công giáo viên đảm nhận các nội dung hoạt động của chương trình Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp thực hiện đúng nhiệm vụ; phân

định rõ nhiệm vụ thực hiện chương trình Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp với nhiệm vụ của giáo viên làm công tác chủ nhiệm lớp theo quy định hiện hành.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, các Tổ CM tăng cường sinh hoạt chuyên môn dựa trên nghiên cứu bài học, tổ chức dạy thử nghiệm các chuyên đề, tổ chức buổi sinh hoạt, trao đổi về tổ chức thực hiện chương trình; đánh giá, rút kinh nghiệm trong quá trình dạy học và điều chỉnh kịp thời kế hoạch dạy học phù hợp với thực tế tại địa phương, nhà trường, chủ động ứng phó với các tình huống dịch bệnh và các tình huống bất thường khác.

1.1.2. Kết quả thực hiện chương trình các môn học (Chương trình 2018 đối với lớp 6,7; Chương trình 2006 đối với các lớp còn lại).

Kế hoạch dạy học các môn học thực hiện trong năm học 2022-2023 đã chú ý việc củng cố, bổ sung những nội dung có liên quan ở lớp học dưới; những kiến thức, kỹ năng còn hạn chế do phải học trực tuyến, học trên truyền hình hoặc các hình thức học tập khác trong các năm học trước vì Covid-19 và theo Công văn số 4040/BGDĐT-GDTrH ngày 16/9/2021 về việc hướng dẫn thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp trung học cơ sở, trung học phổ thông ứng phó với dịch Covid-19 năm học 2021-2022.

- Đối với các lớp 8,9 thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2006:

Thực hiện dạy học theo hướng dẫn tại Công văn số 3280/BGDĐT-GDTrH ngày 27/8/2020 về việc hướng dẫn điều chỉnh nội dung dạy học cấp trung học cơ sở, trung học phổ thông. Tăng cường bổ trợ các nội dung theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 khi xây dựng kế hoạch dạy học các môn học để chuẩn bị tốt cho học sinh lớp 9 học lên lớp 10 theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

- Đối với các lớp 6,7 thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018:

Thực hiện theo hướng dẫn tại Công văn số 1496/BGDĐT-GDTrH ngày 19/4/2022 về việc triển khai thực hiện chương trình giáo dục trung học năm học 2022-2023 và quy định sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong Chương trình giáo dục phổ thông ban hành tại Thông tư số 13/2022/TT-BGDĐT và Công văn 1007/SGDĐT-GDTrH ngày 19/4/2022 của Sở GDĐT về việc triển khai thực hiện chương trình giáo dục trung học năm học 2022-2023 và công văn 488/PGDĐT ngày 06/6/2022 của Phòng GDĐT về việc triển khai thực hiện chương trình giáo dục trung học năm học 2022-2023.

1.1.3. Kết quả thực hiện giáo dục đạo đức lối sống, giáo dục kỹ năng sống, công tác tư vấn tâm lý cho học sinh, xây dựng văn hóa ứng xử, công tác xã hội trong trường học.

- Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 31/CT-TTg ngày 04/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ về giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh, sinh viên; tăng cường công tác giáo dục kỹ năng sống, xây dựng văn hóa ứng xử trong trường học.

- Năm bắt, rà soát các học sinh có hoàn cảnh đặc biệt để có hướng giáo dục đồng thời tham mưu, đề xuất các tổ chức, đoàn thể hỗ trợ các em trong học tập: Trần Lai Phong lớp 7/3: Hỗ trợ Em nuôi khăn quàng đỏ, báo cáo Khuyến học xã vận động đi học lại.... Thực hiện tốt nhiệm vụ giáo dục hòa nhập cho học sinh khuyết tật. Trường hiện có 03 em học sinh khuyết tật (Thi Thị Ni Na 7/1, Lương Nguyễn Huyền Diệu lớp 8/3, Ngô Thị Ny lớp 9/2 –khuyết tật trí tuệ) đều được hưởng đầy đủ các chế độ và đảm bảo các điều kiện trong học hòa nhập. Việc giáo

dục pháp luật, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống; thực hiện quy tắc ứng xử văn hóa, giáo dục ngoài giờ lên lớp:

- Tiếp tục triển khai thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị "Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh", chỉ đạo tổ chức thực hiện việc tích hợp giảng dạy nội dung đạo đức Hồ Chí Minh vào các môn học chính khóa và các hoạt động ngoại khóa trong nhà trường. Với các môn chính khóa, trên cơ sở mục tiêu và nội dung của môn học, nội dung giáo dục tích hợp tạo nên sự gắn bó nội dung học tập với thực tiễn cuộc sống, không gây nặng nề, quá tải chương trình.

- Phong trào thi đua “Xây dựng trường học hạnh phúc” được đẩy mạnh, quan tâm việc giáo dục kỹ năng sống cho học sinh. Tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, đưa âm nhạc dân gian, bài hát về ngành Giáo dục, trò chơi dân gian vào nhà trường trong các HĐGDNGLL, sinh hoạt Trung Thu, sinh hoạt chào mừng ngày nhà giáo Việt Nam... Tổ chức các hoạt động giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, giá trị và kỹ năng sống thông qua các video giáo dục trong các giờ chào cờ tại lớp, giờ SHCN, tiết HĐTN, HĐGDNGLL...; hoạt động tư vấn tâm lý cho học sinh. Thường xuyên tổ chức gặp mặt giữa lãnh đạo, giáo viên với học sinh nhà trường để nắm bắt và xử lý kịp thời tâm tư, nguyện vọng của học sinh, nhất là những học sinh có biểu hiện sa sút về học tập, vi phạm nội quy.

- Xây dựng và thực hành tốt quy tắc ứng xử văn hóa trong nhà trường. Giáo dục ý thức cho học sinh sử dụng internet, mạng xã hội-facebook thông qua các buổi sinh hoạt dưới cờ, công tác chủ nhiệm và làm việc với CMHS. Việc tổ chức hát quốc ca tại lễ chào cờ đầu tuần được duy trì thường xuyên vào sáng thứ hai đầu tuần theo nhịp trống Đội.

1.1.4. Kết quả thực hiện tổ chức dạy học 2 buổi/ngày.

Nhà trường tổ chức dạy học chính khóa vào buổi sáng, dạy bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu, học Tin, Thể dục và tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp, ngoại khóa vào buổi chiều.

Tuy nhiên việc tổ chức dạy học 2 buổi/ngày theo hướng dẫn vẫn chưa thực hiện được vì còn thiếu các phòng bộ môn đạt chuẩn, chuyên môn của giáo viên để tổ chức các hoạt động chưa đảm bảo, điều kiện tổ chức các hoạt động trải nghiệm cho học sinh còn hạn chế.

Nhà trường dành thời gian buổi chiều vào giảng dạy các môn Tin- Thể dục, bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu,... nên lịch trong tuần vẫn kín nên xem như vẫn thực hiện 2 buổi trên ngày (kèm theo TKB)

2. Kết quả vận dụng các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học.

2.1. Xây dựng kế hoạch bài dạy (giáo án) bảo đảm các yêu cầu về phương pháp dạy học, hình thức và kỹ thuật dạy học, kiểm tra, đánh giá, thiết bị dạy học và học liệu, nhằm phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh trong quá trình dạy học. Tiến trình dạy học mỗi bài học được xây dựng thành các hoạt động học với mục tiêu, nội dung, sản phẩm học tập cụ thể mà học sinh phải hoàn thành, cách thức thực hiện linh hoạt để tổ chức dạy học trực tuyến, hướng dẫn học sinh tự học hoặc dạy học trực tiếp. Chú trọng rèn luyện cho học sinh tự học ở nhà, học trực tuyến; ưu tiên dạy học trực tuyến theo thời gian thực chủ yếu tổ chức cho học sinh thuyết trình, thảo luận, báo cáo sản phẩm, kết quả học tập; dành nhiều thời gian học trực

tiếp trên lớp cho việc luyện tập, thực hành, thí nghiệm; sử dụng hiệu quả kho bài giảng E-learning toàn ngành để hỗ trợ công tác dạy và học.

2.2. Duy trì tốt hoạt động các câu lạc bộ Tiếng Anh, Quyền trẻ em, Câu lạc bộ TDTT: Mỗi học kì tổ chức sinh hoạt 2 lần dựa trên kế hoạch CLB. Khuyến khích tổ chức các hoạt động văn hóa-văn nghệ, thể dục-thể thao trên cơ sở tự nguyện của nhà trường, cha mẹ học sinh và học sinh, phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi và nội dung học tập của học sinh trung học. Tiếp tục thực hiện tốt việc sử dụng di sản trong dạy học một số môn học, hoạt động giáo dục phù hợp.

2.3. Thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số trong hoạt động dạy học và quản lý giáo dục của các cấp theo lộ trình, bao gồm ứng dụng công nghệ thông tin trong việc đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, kiểm tra, đánh giá; ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý quá trình dạy học và quản trị nhà trường như Hồ sơ giáo dục của nhà trường và GV, Sổ điểm điện tử, Học bạ điện tử, Sổ đăng bạ điện tử, Kí số BGH, GV.... Cập nhật thường xuyên, kịp thời và chính xác dữ liệu trên phần mềm quản lý trường học để kết nối liên thông với Trung tâm điều hành giáo dục thông minh (IOC Edu) và cơ sở dữ liệu quốc gia về giáo dục và đào tạo; đẩy nhanh tiến độ số hóa các tài liệu dạy học, hồ sơ quản lý và dạy học của nhà trường.

3. Kết quả thực hiện các phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá.

3.1. Thực hiện việc đánh giá học sinh theo đúng các Thông tư hướng dẫn cho từng chương trình giáo dục: Khối 6,7 thực hiện theo T22/2021, Khối 8,9 thực hiện theo TT26/2020 và TT58/2011 của BGD; xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá theo đúng hướng dẫn của Phòng GD& Đào tạo huyện Núi Thành, phù hợp với kế hoạch dạy học; không kiểm tra, đánh giá vượt quá yêu cầu cần đạt hoặc mức độ cần đạt của chương trình giáo dục phổ thông.

3.2. Thực hiện có hiệu quả các hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá, đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì. Đối với bài kiểm tra, đánh giá định kì (trên giấy hoặc trên máy tính) đánh giá bằng điểm số, việc xây dựng ma trận và đặc tả đề kiểm tra cần có tỉ lệ phù hợp giữa câu hỏi trắc nghiệm và tự luận. Đối với bài kiểm tra giữa kỳ, GVBM được phân công chủ động việc ra đề dưới hướng dẫn cấu trúc đề của Sở GD&ĐT, PGD. Đối với bài kiểm tra cuối kỳ, Sở GD&ĐT, PGD tiếp tục thực hiện đề kiểm tra chung ở các môn như các năm học trước đây đối với các lớp; Còn lại các môn trường ra đề đảm bảo cấu trúc, bảo mật theo quy định. Đối với các môn học, hoạt động giáo dục đánh giá bằng nhận xét thực hiện việc kiểm tra, đánh giá định kì thông qua bài thực hành, dự án học tập phù hợp với đặc thù môn học, hoạt động giáo dục.

Chỉ đạo và tổ chức chặt chẽ, nghiêm túc, đúng quy chế ở các khâu ra đề, in, sao đề, coi, chấm chéo bài, nhận xét, đánh giá học sinh trong kiểm tra giữa kỳ và cuối học kì; Bài kiểm tra giữa kỳ, cuối kì đảm bảo tỉ lệ phù hợp với nội dung và thời lượng dạy học đến thời điểm kiểm tra, đánh giá; phân chia học sinh và xáo trộn giữa các lớp tương đối đồng đều theo sơ đồ và số báo danh từng môn đảm bảo đúng thực chất, khách quan, trung thực, công bằng, đánh giá đúng năng lực và sự tiến bộ của học sinh.

3.3. Chất lượng giáo dục:

* Đối với lớp 6,7 thực hiện theo CTGDPT 2018:

STT	Lớp	Sĩ số	Kết quả học tập								Kết quả rèn luyện							
			Tốt		Khá		Đạt		Chưa Đạt		Tốt		Khá		Đạt		Chưa Đạt	
			SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
TỔNG CỘNG		200	66	33,00%	66	33,00%	60	30,00%	8	4,00%	177	88,50%	22	11,00%	1	0,50%	0	0,00%
Khối 6		102	35	34,31%	30	29,41%	31	30,39%	6	5,88%	91	89,22%	11	10,78%	0	0,00%	0	0,00%
1	6/1	34	12	35,29%	12	35,29%	8	23,53%	2	5,88%	31	91,18%	3	8,82%	0	0,00%	0	0,00%
2	6/2	34	12	35,29%	10	29,41%	11	32,35%	1	2,94%	32	94,12%	2	5,88%	0	0,00%	0	0,00%
3	6/3	34	11	32,35%	8	23,53%	12	35,29%	3	8,82%	28	82,35%	6	17,65%	0	0,00%	0	0,00%
Khối 7		98	31	31,63%	36	36,73%	29	29,59%	2	2,04%	86	87,76%	11	11,22%	1	1,02%	0	0,00%
4	7/1	33	9	27,27%	12	36,36%	12	36,36%	0	0,00%	29	87,88%	4	12,12%	0	0,00%	0	0,00%
5	7/2	33	13	39,39%	8	24,24%	11	33,33%	1	3,03%	29	87,88%	4	12,12%	0	0,00%	0	0,00%
6	7/3	32	9	28,13%	16	50,00%	6	18,75%	1	3,13%	28	87,50%	3	9,38%	1	3,13%	0	0,00%

- Về Kết quả rèn luyện so với cùng kì năm học 2021-2022: Tỷ lệ loại Tốt không thay đổi, Khá giảm 0,46%, Đạt tăng 0,5%.

- Về Kết quả học tập so với cùng kì năm học 2021-2022: Tỷ lệ loại tốt tăng 0,79%, Khá tăng 2,79%, Đạt giảm 3,33%, Chưa đạt không đổi.

* Đối với khối 8,9 thực hiện theo chương trình GDPT 2006:

STT	Lớp	Số	Học lực										Hành kiểm							
			Giỏi		Khá		Trung bình		Yếu		Kém		Tốt		Khá		Trung bình		Yếu	
			SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
TỔNG CỘNG		195	71	36,41%	86	44,10%	36	18,46%	2	1,03%	0	0,00%	178	91,28%	16	8,21%	1	0,51%	0	0,00%
Khối 8		102	40	39,22%	36	35,29%	25	24,51%	1	0,98%	0	0,00%	91	89,22%	11	10,78%	0	0,00%	0	0,00%
1	8/1	34	14	41,18%	12	35,29%	7	20,59%	1	2,94%	0	0,00%	29	85,29%	5	14,71%	0	0,00%	0	0,00%
2	8/2	34	13	38,24%	13	38,24%	8	23,53%	0	0,00%	0	0,00%	31	91,18%	3	8,82%	0	0,00%	0	0,00%
3	8/3	34	13	38,24%	11	32,35%	10	29,41%	0	0,00%	0	0,00%	31	91,18%	3	8,82%	0	0,00%	0	0,00%
Khối 9		93	31	33,33%	50	53,76%	11	11,83%	1	1,08%	0	0,00%	87	93,55%	5	5,38%	1	1,08%	0	0,00%
4	9/1	31	8	25,81%	19	61,29%	4	12,90%	0	0,00%	0	0,00%	29	93,55%	2	6,45%	0	0,00%	0	0,00%
5	9/2	31	12	38,71%	16	51,61%	3	9,68%	0	0,00%	0	0,00%	30	96,77%	1	3,23%	0	0,00%	0	0,00%
6	9/3	31	11	35,48%	15	48,39%	4	12,90%	1	3,23%	0	0,00%	28	90,32%	2	6,45%	1	3,23%	0	0,00%

- Về Hành kiểm so với cùng kì năm học 2021-2022: Tỷ lệ hành kiểm Tốt tăng 5%, Khá giảm 4,06%, Trung bình giảm 0,57%, Không còn hành kiểm yếu.

- Về Học lực so với cùng kì năm học 2021-2022: Tỷ lệ Học lực giỏi tăng 10,42%, Khá giảm 0,67%, TB giảm 8,98%, Yếu giảm 0,78%.

* Tồn tại: Vẫn còn một số học sinh vì hoàn cảnh gia đình...còn lơ là trong học tập, bỏ học nhiều ngày, không tham gia học phụ đạo đầy đủ.

4. Kết quả nâng cao chất lượng giáo dục hướng nghiệp, định hướng phân luồng.

4.1. Công tác giáo dục hướng nghiệp, triển khai thực hiện giáo dục STEM tại các cơ sở giáo dục.

Tổ chức báo cáo hướng nghiệp học sinh lớp 9 theo chương trình của Tổ chức lao động quốc tế ILO cho tất cả học sinh lớp 9. Qua học tập HS tiếp thu kiến thức và làm bài kiểm tra đầy đủ qua đó định hướng việc chọn nghề cho học sinh từ cấp THCS và hướng dẫn cho các em lựa chọn các trường nghề sau lớp 9.

Tiếp tục triển khai Đề án 522, tăng cường các hoạt động giáo dục khởi nghiệp, tạo môi trường hỗ trợ khởi nghiệp trong trường phổ thông nhằm thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp, lập nghiệp của học sinh phổ thông.

Thực hiện giáo dục tích hợp khoa học - công nghệ - kỹ thuật - toán (*Science - Technology - Engineering - Mathematic: STEM*) ở những môn học liên quan gắn kết với việc thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 ở lớp 6,7.

4.2. Công tác định hướng việc phân luồng học sinh.

Quán triệt Chương trình hành động số 20-CTr/HU ngày 18/10/2017 của Huyện ủy Núi Thành về thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TU ngày 25/4/2017 của Tỉnh ủy Quảng Nam về “*Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo tỉnh Quảng Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2025*” Nhà trường làm tốt công tác định hướng nghề nghiệp góp phần phân luồng HS sau THCS cho các học sinh. Những em có học lực không tốt sẽ được định hướng vào các trường nghề để có hướng đi đúng cho tương lai.

Nhà trường phối hợp với các trường cao đẳng Thaco, trung cấp nghề Quảng Nam trên địa bàn tỉnh tuyên truyền giới thiệu các ngành nghề có tuyển học sinh trình độ THCS cho phụ huynh và học sinh.

5. Kết quả tham gia các kì thi, cuộc thi:

Tham gia đầy đủ các cuộc thi do cấp trên phát động và đạt kết quả sau:

NỘI DUNG	Giải I	Giải II	Giải III	Giải KK	Công nhận	TỔNG
HSG 9 cấp huyện	2	1	1	4		8
HSG 9 cấp Tỉnh			1			1
HSG 6,7,8 cấp huyện	1		1	18		20
Stem cấp huyện			1			1
OTE cấp huyện			2 (cá nhân, tập thể)			2
Vẽ tranh Biển đảo cấp huyện			1	1		2
Sáng tạo Thanh thiếu niên 2022		1	1			2
Sáng tạo Thanh thiếu niên tỉnh				1		1
Thi Tìm hiểu PL trực tuyến huyện		1				1
Video “Cuốn sách em yêu”			1			1
Thi xếp sách nghệ thuật				1		1
GVG cấp huyện					3	3
TDDT	1	2	3	8		14
TỔNG CỘNG	4	5	12	33	3	57

III. Phát triển mạng lưới trường lớp, nâng cao chất lượng phổ cập trung học cơ sở:

1. Phát triển mạng lưới trường lớp (Bảng số liệu)

1.1. Trường, lớp, học sinh:

Khối lớp	Số lớp, số học sinh				
	Số lớp	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc
6	3	102	46		
7	3	98	50		
8	3	102	48	01	0
9	3	93	48		
Tổng cộng	12	395	202	01	00

- Số lớp tăng 01 lớp, số học sinh tăng 21 em so với năm học 2021-2022. Cuối năm học, tổng số học sinh là 395/202 nữ, không có học sinh bỏ học.

1.2. Đội ngũ CBQL, GV, NV:

- Tổng số: 29, Nữ: 15; Trong đó: BGH: 2; TPT: 01 (HD trường); NV: 5 (HD: 2); GV: 21.

- Trình độ GV đạt chuẩn đào tạo: 17, Tỷ lệ: 85%

- Chi bộ: 17 đảng viên

2. Nâng cao chất lượng phổ cập trung học cơ sở

Tình hình thực hiện PCGD trung học cơ sở tính đến thời điểm 31/12/2022

- Nhà trường tiếp tục triển khai thực hiện Nghị định 20/2014/NĐ-CP về công tác PCGD-XMC. Tham mưu UBND xã củng cố Ban chỉ đạo PCGD-XMC năm 2022, bổ sung các văn bản chỉ đạo và xây dựng kế hoạch điều tra, xử lý số liệu, xây dựng hồ sơ theo quy định. Thực hiện tốt công tác điều tra độ tuổi, xử lý thông tin, cập nhật và điều chỉnh những sai sót, đảm bảo duy trì bền vững PCGD THCS, xây dựng các biện pháp để nâng chuẩn PCGD.

- Kết quả: Duy trì đạt chuẩn PCGD THCS mức 3 thời điểm tháng 12/2022: tỷ lệ thanh thiếu niên (15-18) tuổi TNTHCS (2 hệ) là 98% (355/362) tăng 0,5% so với năm 2022; Tỷ lệ thanh thiếu niên (15-18) tuổi đang học THPT, học nghề là 331/355 đạt 93,2%.

IV. Tăng cường các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục

1. Phát triển đội ngũ:

a) Chuẩn hóa đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục

- Thực hiện quản lý, đánh giá đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục trung học theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên; chuẩn hiệu trưởng.

- Tiếp tục rà soát cơ cấu đội ngũ giáo viên theo môn học, hoạt động giáo dục; xây dựng và thực hiện kế hoạch tuyển dụng, tiến hành đào tạo giáo viên bảo đảm số lượng và chất lượng, cân đối về cơ cấu, nhất là giáo viên các môn Tin học, Ngoại ngữ, Mỹ thuật, Âm nhạc và các môn tích hợp đáp ứng yêu cầu triển khai Chương trình GDPT 2018 theo lộ trình quy định.

- Xây dựng và thực hiện kế hoạch tổng thể triển khai thực hiện lộ trình nâng chuẩn trình độ đào tạo giáo viên trung học cơ sở theo quy định tại Nghị định số 71/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ; tiến hành đào tạo giáo viên phổ thông để đạt chuẩn đào tạo quy định tại Luật Giáo dục 2019 theo kế hoạch đã được phê duyệt.

b) Bồi dưỡng nâng cao năng lực giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục

- Tổ chức thực hiện hiệu quả hoạt động bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý cốt cán các mô-đun triển khai Chương trình GDPT 2018 theo kế hoạch. Rà soát, bổ sung đội ngũ giáo viên cốt cán các môn học và hoạt động giáo dục; triển khai thực hiện nghiêm túc và đạt hiệu quả công tác bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý đại trà theo phương thức bồi dưỡng qua mạng, thường xuyên, liên tục, ngay tại trường; gắn nội dung bồi dưỡng thường xuyên với nội dung sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn trong trường và cụm trường; hiệu trưởng theo dõi, quản lý, đánh giá chất lượng bồi dưỡng giáo viên của đơn vị mình.

- Tiếp tục triển khai tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực tổ chức dạy học trực tuyến cán bộ quản lý, giáo viên cốt cán; triển khai tập huấn, bồi dưỡng cho tất cả CBQL, giáo viên tại các trường.

- Tiếp tục thực hiện hiệu quả việc tập huấn cho cán bộ quản lý, giáo viên làm công tác tư vấn tâm lý cho học sinh trung học; xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi

đường giáo viên của một số môn học hiện tại để tiến tới mỗi giáo viên có thể đảm nhiệm dạy học toàn bộ môn học Khoa học tự nhiên, Lịch sử và Địa lí theo Chương trình GDPT 2018; đào tạo chuyển đổi giáo viên dạy ngoại ngữ 2.

2. Tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, học liệu.

- Sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, học liệu hiện có; xây dựng kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm bổ sung thiết bị dạy học thực hiện CT GDPT 2018, bảo đảm thiết thực, hiệu quả.

3. Đổi mới công tác quản lý giáo dục của lãnh đạo, các tổ/ nhóm chuyên môn.

- Nhà trường được tự chủ trong việc xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường. Kế hoạch giáo dục của nhà trường được xây dựng từ kế hoạch của tổ chuyên môn, báo cáo Phòng GDĐT.

- Tập trung đổi mới sinh hoạt chuyên môn của tổ chuyên môn dựa trên nghiên cứu bài học, sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường. Tăng cường các hoạt động dự giờ, rút kinh nghiệm để hoàn thiện từng bước cấu trúc nội dung, kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục; nâng cao chất lượng và hiệu quả sử dụng các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và kiểm tra, đánh giá kết quả rèn luyện, học tập của học sinh.

- Tiếp tục thực hiện tinh giản hồ sơ, sổ sách trong nhà trường theo tinh thần của Chỉ thị số 138/CT-BGDĐT ngày 18/01/2019 của Bộ trưởng Bộ GDĐT. Nâng cao chất lượng sử dụng công nghệ thông tin trong tổ chức và quản lý các hoạt động chuyên môn; tiến hành sử dụng hồ sơ điện tử, sổ điểm điện tử, học bạ điện tử từ năm 2022-2023 để nâng cao hiệu quả công tác quản lý giáo dục; cập nhật chính xác số liệu, khai thác, sử dụng thống nhất dữ liệu toàn ngành về trường, lớp, học sinh, giáo viên, trường chuẩn quốc gia và các thông tin khác trong quản lý, báo cáo. 100% học sinh toàn trường đăng kí thực hiện sổ Liên lạc điện tử với lệ phí 60.000đ/ 1năm.

V. Đánh giá chung:

1. Kết quả nổi bật:

- Tổ chức triển khai thực hiện tốt kế hoạch, chương trình giáo dục đặc biệt là chương trình GDPT 2018 theo hướng dẫn của ngành.

- Thực hiện hiệu quả các phương pháp và hình thức dạy học, phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá theo quy định tại các Thông tư cũng như hướng dẫn của ngành, đảm bảo dạy học theo định hướng phát triển năng lực, phẩm chất học sinh, đặc biệt thực hiện tốt chuyển đổi số trong dạy học và quản lý.

- Thực hiện tốt công tác phòng chống dịch bệnh trong nhà trường, nhất là phòng chống dịch Covid-19 và dịch sốt xuất huyết.

- Tổ chức tốt các hoạt động trải nghiệm, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp theo chương trình, kế hoạch, Đặc biệt tổ chức tốt Hội khỏe Phù Đổng, các hoạt động ngoại khóa, tuyên truyền.

2. Tồn tại, hạn chế:

- Cơ sở vật chất chưa đảm bảo nhất là phòng bộ môn chưa đạt chuẩn, các phòng chức năng còn thiếu.

- Một số bộ môn còn thiếu giáo viên như GDCD, Âm nhạc, TPT Đội nên việc phân công trái chuyên môn ảnh hưởng chất lượng dạy và học.

3. Nguyên nhân

- Các công trình trên xây dựng đã lâu (trước năm 2005) nhưng chưa đủ niên hạn sử dụng.

- Công tác tham mưu của nhà trường chưa hiệu quả.

VI. Kiến nghị, đề xuất

*** Đối với Phòng GD&ĐT:**

- Cùng tích cực tham mưu với nhà trường sớm đảm bảo CSVC nhất là phòng học bộ môn và con người để thực hiện tốt chương trình hiện hành và đáp ứng CTGDPT 2018.

- Nội dung giới hạn kiểm tra học kì quá dài.

- Phải đảm bảo cơ cấu giải HSG 6,7,8 của các môn giống nhau (có môn 50%, có môn <50% số giải).

- Nhiều đề thi HSG quá khó đối với học sinh (các môn có tỉ lệ điểm 0 nhiều). Nên ra đề đảm bảo có số điểm cơ bản để khuyến khích các em.

- Tổ chức đánh giá kết quả kịp thời các cuộc thi học sinh giỏi.

*** Đối với Sở GD&ĐT:**

- Giới hạn nội dung đề kiểm tra không nên thay đổi nhiều lần làm ảnh hưởng công tác ôn tập.

- Mức độ đề kiểm tra giữa các môn không phù hợp, có môn quá khó.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ giáo dục năm học 2022-2023 của trường THCS Nguyễn Trãi./.

Nơi nhận:

- Phòng GD-ĐT (báo cáo);
- Các tổ CM, đoàn thể nhà trường;
- CB, GV, NV Trường;
- Lưu: VT

HIỆU TRƯỞNG



Bùi Văn Quang